

THỰC TRẠNG ĐỜI SỐNG DÂN CƯ QUẢNG BÌNH GIAI ĐOẠN 2006 - 2010 VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO MỨC SỐNG NHÂN DÂN TRONG THỜI GIAN TỚI

TRẦN QUỐC

Trong chiến lược phát triển đất nước cũng như mỗi địa phương, Đảng ta luôn lấy con người làm trung tâm, coi phát triển con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển. Do đó, không ngừng nâng cao đời sống dân cư là ưu tiên hàng đầu trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Để có căn cứ đánh giá mức sống, thực trạng nghèo đói và phân hóa giàu nghèo, phục vụ công tác hoạch định các chính sách, kế hoạch và các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, với mục đích nâng cao mức sống dân cư trong tỉnh, giữa các vùng miền và các địa phương, ngày 12/7/2010, UBND tỉnh Quảng Bình đã có Quyết định số 1578/QĐ-UBND giao Cục Thống kê Quảng Bình tổ chức thực hiện đề tài: “*Điều tra đánh giá thực trạng đời sống dân cư Quảng Bình giai đoạn 2006 - 2010 và giải pháp nâng cao mức sống nhân dân trong thời kỳ tới*”.

Đề tài được triển khai ở 60 địa bàn với 900 hộ, mỗi địa bàn 15 hộ. Trong đó, 10 địa bàn thành

thị với 150 hộ và 50 địa bàn nông thôn với 750 hộ. Mẫu địa bàn và hộ được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống, đảm bảo tính đại diện khi suy rộng cho toàn tỉnh. Trong phạm vi bài viết này, xin giới thiệu tóm tắt kết quả nghiên cứu của đề tài về đặc điểm nhân khẩu học; lao động việc làm; thu nhập, chi tiêu và sự phân hoá giàu nghèo.

1. Đặc điểm về nhân khẩu học

Kết quả điều tra cho thấy, nhân khẩu bình quân một hộ ở Quảng Bình giảm dần qua các năm, kể cả thành thị và nông thôn. Năm 2010 nhân khẩu bình quân 1 hộ gia đình ở Quảng Bình là 3,99 người/hộ, giảm 0,13 người/hộ so với năm 2008 và giảm 0,33 người/hộ so với năm 2006. Điều này phản ánh, cùng với việc giảm tỷ suất sinh, giảm tỷ lệ tăng tự nhiên dân số thì quy mô nhân khẩu trong một hộ gia đình cũng giảm theo, rõ nhất là ở khu vực nông thôn, từ 4,36 người/hộ năm 2006 xuống 4,21 người/hộ năm 2008 và giảm xuống chỉ còn 4,09 người/hộ năm 2010.

Nhân khẩu, lao động trong độ tuổi, số người phụ thuộc bình quân 1 hộ chia theo thành thị, nông thôn

Đơn vị tính: Người

	Nhân khẩu bình quân 1 hộ			Số người trong độ tuổi lao động BQ 1 hộ năm 2010	Số người phụ thuộc BQ 1 hộ năm 2010
	Năm 2006	Năm 2008	Năm 2010		
Toàn tỉnh	4,32	4,12	3,99	2,39	1,60
- Thành thị	4,07	3,95	3,85	2,64	1,21
- Nông thôn	4,36	4,21	4,09	2,34	1,75

Lao động việc làm tạo ra nguồn thu nhập, là yếu tố quan trọng nhất tác động đến mức sống dân cư. Kết quả điều tra cho thấy, trong khi số nhân khẩu bình quân một hộ giảm dần qua các năm thì số người trong độ tuổi lao động bình quân một hộ có xu hướng tăng dần, số người phụ thuộc giảm dần. Năm 2010 so với năm 2008, số người trong độ tuổi lao động bình quân một hộ từ 2,37 người/hộ lên 2,39 người/hộ. Số người phụ thuộc bình quân 1 hộ chung toàn tỉnh năm 2010 là 1,60 người, trong đó khu vực thành thị là 1,21 người, khu vực nông thôn 1,75 người.

2. Lao động việc làm

Lao động, việc làm là hai yếu tố quyết định đến thu nhập, là nguyên nhân dẫn đến sự phân hoá giàu nghèo trong xã hội. Kết quả điều tra cho thấy, lực lượng lao động ở Quảng Bình có cơ cấu trẻ. Năm 2010 dân số hoạt động kinh tế nhóm từ 15 đến dưới 35 tuổi chiếm 43,44%; từ 35 đến dưới 50 tuổi chiếm 38,46% và các nhóm trên 50 tuổi chiếm tỷ trọng 18,10%. Trong đó, nhóm từ 35 đến 39 tuổi chiếm tỷ trọng lớn (13,77% so với dân số có hoạt động kinh tế chung toàn tỉnh), nhóm lao động trên 60 tuổi chỉ chiếm tỷ trọng 0,71%. Nếu xét theo loại công việc hoạt động kinh tế thì lao động tự làm trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ lệ cao nhất 51,43%; lao động làm thuê phi nông, lâm, thủy sản chiếm 27,78%; lao động tự làm phi nông, lâm, thủy sản là 14,95% và lao động làm công làm thuê trong nông, lâm, thủy sản chỉ chiếm 5,84%.

Tính chất việc làm còn phụ thuộc vào trình độ chuyên môn kỹ thuật. Những người có trình độ cao chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực phi nông lâm thủy sản, ngược lại những người có trình độ thấp hơn chủ yếu hoạt động trong nông, lâm nghiệp và thủy sản. Những người chưa học hết lớp 1 hoặc chưa bao giờ đến trường làm việc trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 87,18%. Những người có trình độ từ cao đẳng trở lên làm việc trong các ngành phi nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm trên 90%. Như vậy

nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ lệ cao nhất về lao động, nhưng có trình độ chuyên môn kỹ thuật thấp nhất. Giữa thu nhập, thời gian lao động và trình độ chuyên môn kỹ thuật có quan hệ đồng biến. Tình trạng việc làm ở các hộ nghèo, cộng thêm sự chênh lệch trong tiền công lao động giữa khu vực nông thôn và thành thị, giữa người có trình độ cao và trình độ thấp, giữa nhóm hộ giàu và hộ nghèo là nguyên nhân dẫn đến sự phân hoá giàu nghèo trong xã hội.

3. Thu nhập

Kinh tế tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2006-2010 tăng trưởng liên tục với tốc độ cao, cùng với các chính sách xã hội hỗ trợ cho người nghèo, vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa của các dự án giảm nghèo, các Chương trình 134, Chương trình 135, Đề án 30A của Chính phủ về hỗ trợ huyện nghèo... đã mang lại hiệu quả thiết thực, nên thu nhập và đời sống của người dân trong tỉnh được cải thiện qua từng năm.

Kết quả điều tra cho thấy, từ năm 2006 đến năm 2010, thu nhập bình quân đầu người 1 tháng theo giá hiện hành tăng lên liên tục từ 420 ngàn đồng năm 2006, lên 645 ngàn đồng năm 2008 và năm 2010 là 950 ngàn đồng. Năm 2010 thu nhập bình quân đầu người 1 tháng cả nước là 1.387 ngàn đồng; khu vực Bắc Trung Bộ 903 ngàn đồng; một số tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ: Thanh Hoá 840 ngàn đồng; Nghệ An 920 ngàn đồng, Hà Tĩnh 840 ngàn đồng, Quảng Trị 951 ngàn đồng và Thừa Thiên Huế 1.058 ngàn đồng. So với cả nước, thu nhập bình quân 1 người 1 tháng ở Quảng Bình thấp hơn 437 ngàn đồng; so với các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ, Quảng Bình xếp thứ 3 sau Thừa Thiên Huế và Quảng Trị. Tính chung cho cả thời kỳ 2006-2010 thu nhập bình quân đầu người ở Quảng Bình tăng 22,63%. Nếu loại trừ yếu tố tác động của giá cả, thu nhập bình quân 1 người 1 tháng ở Quảng Bình năm 2008 tăng 15,3% so với năm 2006 và năm 2010 tăng 26,2% so với năm 2008, tính chung cho cả thời kỳ 2006-2010 tăng 9,83%/năm.

Song song với thu thập bình quân tăng, cơ

cấu thu nhập chính của hộ cũng có sự thay đổi. Năm 2010, tỷ trọng thu nhập từ tiền công tiền lương chung toàn tỉnh chiếm 47,03%; nông, lâm, thủy sản chiếm 21,13%; công nghiệp - xây dựng chiếm 5,36%; thương mại dịch vụ chiếm 12,30% và các ngành khác chiếm 14,18%. Các chỉ tiêu tương ứng năm 2008: Tiền công tiền lương chiếm 30,15%; nông, lâm, thủy sản chiếm 32,17%; công nghiệp - xây dựng chiếm 3,38%; thương mại dịch vụ chiếm 9,4%; các ngành khác chiếm 24,9%. Năm 2006: Tiền công, tiền lương 32,1%; nông, lâm, thủy sản 29,6%; công nghiệp - xây dựng 4,6%; thương mại - dịch vụ 9,0; các ngành khác 24,7%.

Thu nhập ở khu vực thành thị và nông thôn năm 2010 đều tăng so với năm 2008 và năm 2006. Năm 2010, thu nhập bình quân 1 người 1 tháng khu vực thành thị đạt 1.506 ngàn đồng, cao gấp 1,79 lần so với khu vực nông thôn 841 ngàn đồng, mức chênh lệch này năm 2008 là 1,75 lần và năm 2006 là 1,81 lần.

So sánh thu nhập bình quân của 5 nhóm thu nhập, thấy rõ bức tranh phản ánh mức độ phân hoá giàu nghèo ngày càng giãn ra. Thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2010 của nhóm 1-nhóm hộ nghèo nhất là 308 ngàn đồng, nhóm 5-nhóm hộ giàu nhất là 2.143 ngàn đồng. So với năm 2008 thu nhập của nhóm 1 tăng 28,4%; nhóm 5 tăng 53,6% và nhóm 5 cao gấp 7,0 lần so với nhóm 1 (thành thị cao gấp 4,5 lần và nông thôn cao gấp 6,5 lần). Khoảng cách chênh lệch này năm 2008 là 5,8 lần và năm 2006 là 5,7 lần. Nếu chia các hộ điều tra thành 10 nhóm thu nhập, mỗi nhóm 10% số hộ thì mức độ phân hoá giàu nghèo càng rõ hơn. Năm 2010, nhóm 1 có thu nhập bình quân thấp nhất; 1 người 1 tháng chỉ có 249 nghìn đồng, so với nhóm 10 những người có thu nhập cao nhất là 2.726 nghìn đồng, thu nhập bình quân đầu người của nhóm hộ giàu nhất cao gấp 10,96 lần so với nhóm hộ nghèo nhất (thành thị cao gấp 6,24 lần và nông thôn cao gấp 10,17 lần). Chỉ tiêu này năm 2008 là 8,68 lần (thành thị cao gấp 6,73 lần và nông thôn cao gấp

8,08 lần) và năm 2006 là 8,53 lần (thành thị cao gấp 8,47 lần và nông thôn cao gấp 7,63 lần). Như vậy, khoảng cách giữa 5 nhóm thu nhập và 10 nhóm thu nhập ngày càng tăng phản ánh mức độ phân hoá giàu nghèo trong xã hội ở Quảng Bình ngày càng tăng.

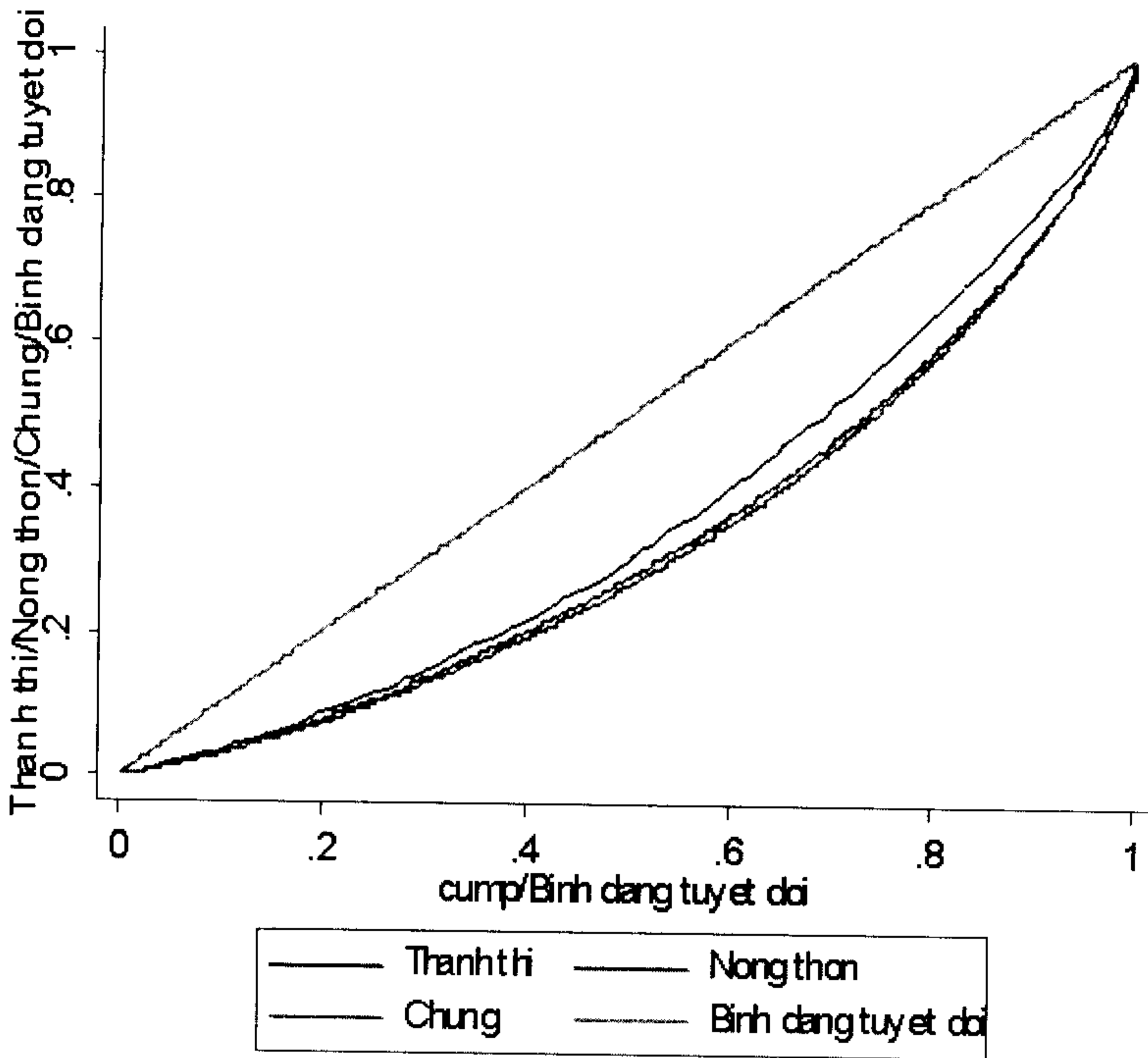
Thu nhập bình quân đầu người tiếp tục tăng cao qua các năm, đời sống các tầng lớp dân cư trong tỉnh, đặc biệt là các hộ nghèo tiếp tục được cải thiện, nên số hộ nghèo không ngừng giảm qua các năm. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn cũ năm 2006 là 27,49%; năm 2008 xuống còn 19,0% và năm 2010 là 11,57%. Theo chuẩn mới của Liên ngành Bộ Lao động - Thương binh Xã hội và Tổng Cục Thống kê công bố, tỷ lệ hộ nghèo năm 2010 của tỉnh Quảng Bình là 25,17%.

4. Chi tiêu

Do thu nhập tăng nên chi tiêu của các tầng lớp dân cư trên địa bàn toàn tỉnh đều tăng lên. Mức chi tiêu bình quân 1 nhân khẩu 1 tháng năm 2010 đạt 861 ngàn đồng, chiếm 90,6% thu nhập (tăng 1,69 lần với năm 2008 và tăng 2,55 lần so với năm 2006), còn lại hơn 9% thu nhập dành cho tích lũy.

Trong tổng chi tiêu chung, chi tiêu cho đời sống bình quân 1 người 1 tháng của người dân Quảng Bình năm 2010 theo giá hiện hành đạt 816 ngàn đồng, tăng 75,1% so với năm 2008 và tăng 164,1% so với năm 2006. Chi tiêu đời sống của hộ gia đình năm 2010 có sự khác biệt giữa khu vực thành thị và nông thôn. Chi tiêu đời sống bình quân 1 người 1 tháng của khu vực thành thị 1.189 ngàn đồng, cao gấp 1,62 lần so với khu vực nông thôn (năm 2008 là 1,42 lần, năm 2006 là 1,51 lần). Chi tiêu cho đời sống bình quân 1 người 1 tháng năm 2010 của nhóm 1-nhóm hộ nghèo nhất đạt 425 ngàn đồng, tăng 51,2% so với năm 2008 và tăng 154,5% so năm 2006. Nhóm 5-nhóm hộ giàu nhất đạt 1.378 nghìn đồng, tăng 114,3% so năm 2008 và tăng 174,5% so năm 2006; cao gấp 3,24 lần so với nhóm 1-nhóm hộ nghèo nhất. Hệ số này năm 2008 là 2,29 lần; năm 2006 là 3,01 lần. Qua đó phản ánh đời sống của

Đường cong Lorenz năm 2010 tỉnh Quảng Bình



những hộ giàu ngày càng được nâng cao và nhanh hơn những hộ nghèo và khoảng cách giàu nghèo ngày càng xa hơn.

Nếu xét trong tổng chi tiêu chung, chi tiêu cho đời sống năm 2010 theo giá hiện hành đạt 441 ngàn đồng, chiếm 94,8%, tăng 163 ngàn đồng so với năm 2008 và tăng 272 ngàn đồng so với năm 2006 (năm 2008 chiếm 91,3% và năm 2006 chiếm 91,4%). Trong đó chi cho ăn, uống năm 2010 chiếm 51,2%, chi không phải ăn, uống, chiếm 43,6% và chi khác chiếm 5,2%.

Khi người dân còn nghèo thì phần lớn chi tiêu tập trung cho ăn uống, nhưng khi mức sống được cải thiện và nâng cao thì chi tiêu cho nhu cầu ăn uống tăng về giá trị tuyệt đối, nhưng tỷ trọng trong chi tiêu chung sẽ giảm do các hộ gia đình đã có khả năng để chi nhiều hơn cho các nhu cầu ngoài ăn uống. Do đó tỷ trọng chi tiêu cho ăn uống trong tổng chi tiêu là chỉ số để đánh giá mức sống cao hay thấp của dân cư, tỷ trọng này càng

cao phản ánh mức sống càng thấp và ngược lại. Đối với Quảng Bình là một tỉnh nghèo nên tỷ trọng này còn khá cao, nhưng có xu hướng giảm trong những năm gần đây, năm 2008 chiếm 54,5% và năm 2010 chiếm 51,2%.

5. Sự chênh lệch mức sống và phân hoá giàu nghèo

Kinh tế ngày càng phát triển, việc quan tâm chăm lo cho người nghèo, những hộ thu nhập thấp ngày càng được Đảng và Nhà nước quan tâm nhiều hơn. Trong năm 2010 đa số những hộ thuộc diện nghèo được miễn giảm viện phí, học phí, được vay vốn ưu đãi và những hỗ trợ khác đã góp phần không nhỏ trong việc ổn định đời sống.

Để đánh giá khái quát về sự chênh lệch thu nhập hay phân hoá giàu nghèo giữa các nhóm hộ, người ta sử dụng đường cong

Lorenz. Đây là phương pháp được sử dụng nhiều nhất trong việc thể hiện phân phối thu nhập hiện nay. Đường cong Lorenz trùng với đường phân giác 45° chứng tỏ không có sự phân hóa giàu nghèo hay thu nhập của các nhóm dân cư là bình đẳng. Ngược lại đường cong Lorenz càng xa đường phân giác hay diện tích giữa đường cong và đường phân giác càng lớn thì sự bất bình đẳng, hay sự phân hóa giàu nghèo càng lớn.

Đường cong Lorenz cho thấy sự bất bình đẳng về thu nhập trong dân cư Quảng Bình, giữa thành thị và nông thôn.

Hệ số GINI là một chỉ số thông dụng để xem xét phân bố thu nhập của dân cư. Hệ số GINI nhận giá trị từ 0 đến 1. Hệ số này bằng 0 là không có sự bất bình đẳng; hệ số càng tiến gần đến 1 thì sẽ bất bình đẳng càng cao và bằng 1 khi có sự bất bình đẳng tuyệt đối. Kết quả điều tra tính được, hệ số GINI năm 2006 là 0,3428; năm 2008 là

(Xem tiếp trang 31)

THỰC TRẠNG ĐỜI SỐNG... (Tiếp theo trang 29)

0,3525 và năm 2010 là 0,3836. Như vậy, sự bất bình đẳng về thu nhập của các tầng lớp dân cư Quảng Bình đang có xu hướng tăng, khu vực thành thị tăng nhanh hơn khu vực nông thôn.

Theo tiêu chuẩn “40%” của Ngân hàng Thế giới đánh giá phân bố thu nhập của dân cư, nếu tỷ trọng 40% dân số có thu nhập thấp trong tổng thu nhập của toàn bộ dân cư dưới 12% là bất bình đẳng cao về thu nhập, từ 12 - 17% là có sự bình đẳng vừa và trên 17% có sự bình đẳng tương đối. Tỷ trọng này ở Quảng Bình năm 2006 là 18,75%; năm 2008 là 18,61% và năm 2010 là 18,27. Như vậy thu nhập trong các tầng lớp dân cư Quảng Bình nằm trong nhóm bình đẳng tương đối, nhưng có xu hướng tăng lên mức bất bình đẳng vừa.

Cùng với tăng trưởng của nền kinh tế và những nỗ lực của Đảng và Nhà nước trong công cuộc xoá đói giảm nghèo, thu nhập năm 2010 của dân cư tăng khá so với năm 2008, năm 2006. Đời sống của các tầng lớp dân cư có cải thiện rõ rệt ở cả khu vực thành thị và nông thôn. Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa đã có bước phát triển vượt bậc. Sự nghiệp giáo dục và đào tạo đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu nâng cao dân trí. Trình độ học vấn,

chuyên môn kỹ thuật của lực lượng lao động tiếp tục được nâng cao. Công tác y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân đạt kết quả tích cực. Tỷ lệ hộ nghèo tiếp tục giảm.

Tuy nhiên, thu nhập và mức sống trong thời kỳ 2006 - 2010 tăng còn chậm và chưa vững chắc. Công tác giảm nghèo chưa bền vững, số hộ nghèo và cận nghèo còn nhiều, nguy cơ hộ tái nghèo còn cao. Đời sống một bộ phận dân cư nhất là ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn, khoảng cách thu nhập giữa các nhóm ngày càng lớn. Chất lượng nguồn lao động của tỉnh nhìn chung còn hạn chế, trình độ tay nghề của người lao động còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn và thất nghiệp ở khu vực thành thị còn nhiều. Nguồn lực cho an sinh xã hội và phúc lợi xã hội còn hạn chế, chủ yếu dựa vào ngân sách Nhà nước. Mức sống còn có sự khác biệt lớn giữa thành thị và nông thôn, giữa nhóm dân cư giàu và nghèo. Đây là vấn đề đòi hỏi các nhà hoạch định chính sách tiếp tục quan tâm hơn nữa về nâng cao mức sống dân cư, đặc biệt ở các vùng sâu, vùng xa để thời gian tới Quảng Bình thoát khỏi tình nghèo, trở thành một tỉnh khá so với cả nước.

T.Q.L